TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19-01-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Việt;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 245/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Anh D (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường B, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng P (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: E, S St, L, Australia (Úc).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2021 và lời khai của nguyên đơn – ông Lê Anh D thì: Ông và bà Nguyễn Thị Hồng P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2017, ngày 01/8/2017. Sau khi kết hôn, Ông và bà Nguyễn Thị Hồng P chung sống đến tháng 10/2017 thì bà Nguyễn Thị Hồng P sang Úc du học. Đến tháng 1/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do khoảng cách địa lý xa, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, bà P dự định định cư ở Úc không về Việt Nam nữa. Từ tháng 11/2020 đến nay, vợ chồng không còn liên lạc. Do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Ông khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng P.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ông Lê Anh D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại Bản tự khai ngày 14/4/2021 của bà Nguyễn Thị Hồng P đã được Tổng lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại Sydney, Australia hợp pháp hóa lãnh sự ngày 14/4/2021, bà Nguyễn Thị Hồng P thống nhất với lời trình bày của ông Lê Anh D về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Bà đồng ý ly hôn với ông Lê Anh D và đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ông Lê Anh D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng P đang cư trú tại Úc, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn – ông Lê Anh D và bị đơn – bà Nguyễn Thị Hồng P có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227; Khoản 1 Điều 228 và Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Anh D và bà Nguyễn Thị Hồng P.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Về hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 64/2017, ngày 01/8/2017 do Ủy ban nhân dân Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì giữa ông Lê Anh D và bà Nguyễn Thị Hồng P là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày thống nhất của ông Lê Anh D và bà Nguyễn Thị Hồng P thì trong thời kỳ hôn nhân vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do không phù hợp quan điểm sống; bà Nguyễn Thị Hồng P dự định tìm việc làm và định cư tại Úc còn ông Lê Anh D mong muốn được sống và làm việc tại Việt Nam; hiện nay cả hai không còn liên lạc qua lại với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai bên đồng ý ly hôn. Xét cả hai hiện có khoảng cách địa lý nên tình cảm vợ chồng càng phai nhạt, đây là căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa hai người không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và vợ chồng đều đồng ý ly hôn nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông Lê Anh D khởi kiện yêu cầu ly hôn nên ông Lê Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1, Điều 28; Điều 35; Điều 37; Điều 38; Khoản 4, Điều 147; Khoản 4, Điều 207; Khoản 1, Điều 273; Khoản 1, Khoản 2, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 19; Khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 116; Điều 117; Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào Khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh D.

Về hôn nhân: Ông Lê Anh D được ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng P.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001130 ngày 29 tháng 10 năm 2021 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Anh D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn – ông Lê Anh D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án; bị đơn – bà Nguyễn Thị Hồng P được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (02);
- Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: HSVA, VT (HA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Anh